

BÀN THÊM VỀ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DNNN

TS. Trần Thị Nguyệt Cẩm

TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh

ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy

Email: nguyetcam8183@gmail.com

Trương Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa

Thực tế cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vẫn còn thấp. Ngoài những nguyên nhân trực quan dễ nhận thấy, vẫn còn những nguyên nhân sâu xa hơn, đó là: vấn đề quyền quản lý vốn nhà nước không rõ ràng đang là các rào cản dẫn đến làm chậm tốc độ phát triển của cả hệ thống. Giải quyết tận gốc vấn đề trên mới có thể đưa quá trình tái cơ cấu DNNN thành công và nguồn vốn nhà nước trong các DNNN mới có cơ hội được sử dụng hiệu quả.

Vốn nhà nước đang bị sử dụng lãng phí

Theo báo cáo của Bộ Tài chính năm 2015, với 781 DNNN có tổng giá trị tài sản là 3,1 triệu tỷ đồng, vốn chủ sở hữu nhà nước 1,2 triệu tỷ đồng. Còn theo Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), nếu tính toàn bộ các doanh nghiệp có từ 50% đến 100% sở hữu vốn của Nhà nước, thì tổng tài sản đã lên đến 5,4 triệu tỷ đồng (tương đương 240 tỷ USD). Điều đáng lưu ý là, khối tài sản này tính trên sổ sách kế toán, chứ không phải tính theo giá thị trường và cũng chưa tính đến giá trị quyền sử dụng đất và những tài sản vô hình khác có thể quy ra tiền. Còn nếu “tính đúng, tính đủ”, thì khối tài sản của doanh nghiệp có vốn nhà nước từ 50% trở lên không biết lớn cỡ nào?! Thế nhưng, dù nắm giữ một lượng lớn tài sản của Nhà nước, song thực tế đóng góp của khối DNNN chưa tương xứng với kỳ vọng, nhiều DNNN thua lỗ, vốn nhà nước hiện đang bị sử dụng lãng phí, không hiệu quả.

Báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước trình tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XIV (tháng 07/2016) đã chỉ ra thực trạng, tại nhiều DNNN đang tồn tại những khoản nợ khó đòi, nợ quá hạn hàng trăm tỷ đồng, thậm chí lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Đây là hệ quả của những khoản đầu tư tràn lan, thiếu quản lý chặt chẽ trong một giai đoạn khá dài trước đây. Cụ thể, Tổng công ty Mobifone - Công ty mẹ có khoản nợ khó đòi lên tới 312,8 tỷ đồng (chiếm 30,4% nợ phải thu); Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) có khoản nợ khó đòi 376,65 tỷ đồng (chiếm 25,7% nợ phải thu). Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba) có hai đơn vị vướng nợ khó đòi là Văn phòng Tổng công ty và Công ty Cổ phần Hòa Việt với tổng khoản nợ ngót nghét gần trăm tỷ đồng...

Điều đáng nói là nhiều khoản đầu tư của các DNNN vào doanh nghiệp khác có tình trạng tài chính xấu, có nguy cơ ngừng hoạt động hoặc phải giải thể; trong đó nhiều đơn vị đã rơi vào tình trạng mất hết vốn chủ sở hữu với giá trị lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Đầu tiên phải kể đến món đầu tư 800 tỷ đồng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) vào Oceanbank và ngân hàng này bị mua lại với giá không đồng...

Nhiều dự án do các DNNN làm chủ đầu tư đang rơi vào tình trạng “đắp chiếu” hoặc kém hiệu quả. Điển hình là 12 dự án lớn của các DNNN ngành Công Thương, như: Dự án mở rộng Gang Thép Thái Nguyên (TISCO) giai đoạn 2; Nhà máy Đạm Ninh Bình; Nhà máy Sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ Hải Phòng (PVTex); Nhà máy Bột giấy Phương Nam Long An; Nhà máy Ethanol Bình Phước; Nhà máy Bio Ethanol Dung Quất (Quảng Ngãi); Đạm Hà Bắc, Đạm DAP 1 Lào Cai; DAP 2 Hải Phòng; Ethanol Phú Thọ; Nhà máy đóng tàu Dung Quất; Dự án liên doanh giữa đối tác mở Quý Sa và Nhà máy Gang Thép Lào Cai.

Điểm đáng lưu ý là, hiện nay, nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu rất cao. Điển hình là trường hợp Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau Vinalines có hệ số nợ phải trả cao gấp

153,92 lần vốn chủ sở hữu (trong khi đó, gấp trên 3 lần đã là thiếu an toàn, rủi ro cao). Tập đoàn Điện lực (EVN) cũng có tên trong danh sách này, với 2 đơn vị thành viên được nêu tên là Tổng công ty Phát điện 3 (6,74 lần); Tổng công ty Phát điện 1 (4,35 lần).

Thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, đến cuối năm 2016, hầu hết các tập đoàn, tổng công ty lớn đều đã công bố số liệu tài chính năm 2015. Điều đáng buồn là, nhiều tập đoàn, tổng công ty lớn có hiệu quả kinh doanh ngày một kém đi. Qua các báo cáo tài chính được công bố công khai cho thấy, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của nhiều doanh nghiệp lớn đã giảm liên tục trong 2-3 năm gần đây, như: Tập đoàn Cao su (VRG), PVN, Tổng Công ty Cảng hàng không (ACV), Tập đoàn Hóa chất (Vinachem), EVN, Tập đoàn Than - Khoáng sản (Vinacomin). Tỷ suất lợi nhuận của của EVN và Vinacomin năm 2015 siêu thấp, lần lượt là 1,9% và 1,1%. Cụ thể, năm 2015, Vinacomin đạt doanh thu gần 76.400 tỷ đồng, nhưng chỉ lãi trước thuế 840 tỷ đồng. Tương tự, Vietnam Airlines đạt doanh thu 66.000 tỷ đồng, nhưng chỉ lãi hơn 1.000 tỷ đồng. Bước sang nửa đầu năm 2016, EVN báo lỗ trước thuế 557 tỷ đồng và lỗ ròng 930 tỷ đồng. Vinachem lãi trước thuế 59 tỷ, nhưng lại lỗ ròng 477 tỷ đồng.

Những con số trên minh chứng cho việc sử dụng nguồn vốn nhà nước không có hiệu quả tại các DNNN, dù đã được hưởng rất nhiều lợi thế và sự hỗ trợ của Nhà nước.

Cần xem lại chế độ quyền sở hữu và quản lý vốn trong DNNN

Trong các quy định pháp luật hiện hành của Luật Doanh nghiệp năm 2014 (tiếp tục được kế thừa trong Luật Doanh nghiệp năm 2005); Luật Qu ản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh

ng nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đã quy định, phân định nội dung quản lý nhà nước với quản lý chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN. Cụ thể:

Với chức năng công quyền, nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp (gồm cả quản lý đối với các DNNN) bao gồm:

(i) Ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về doanh nghiệp và văn bản pháp luật có liên quan;

(ii) Tổ chức đăng ký kinh doanh, hướng dẫn việc đăng ký kinh doanh bảo đảm thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội;

(iii) Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao đạo đức kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; phẩm chất, chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; đào tạo và xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề;

(iv) Thực hiện chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp theo định hướng và mục tiêu của chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

(v) Kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, của cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật...

Với tư cách chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên, Nhà nước thường trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên) quyết định các vấn đề quan trọng sau của doanh nghiệp:

- Quyết định thành lập, tổ chức lại và định đoạt doanh nghiệp;
- Quyết định nội dung điều lệ công ty, sửa đổi, bổ điều lệ công ty;

- Quyết định đầu tư vốn điều lệ; điều chỉnh, chuyển nhượng một phần, hoặc toàn bộ vốn điều lệ;

- Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty;

- Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay;

- Quy định chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

- Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm;

- Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

- Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, do DNNN được tổ chức dưới nhiều hình thức pháp lý, mối liên kết và cấp quyết định thành lập khác nhau nên việc thực hiện chức năng của chủ sở hữu nhà nước của cơ quan nhà nước trong thực tế hiện nay có sự khác biệt theo loại hình DNNN.

Có thể thấy trong những quy định trên còn những tồn tại, hạn chế chủ yếu sau:

Một là, có quá nhiều đầu mối quản lý, nên rơi vào tình trạng vừa có sự chồng chéo, vừa có tình trạng “cha chung không ai khóc”. Thực tế, hiện nay, quản lý DNNN liên quan đến rất nhiều cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý về khía cạnh đầu tư, Bộ Tư pháp, Chính phủ bổ nhiệm lãnh đạo, Bộ Tài chính quản lý thuế, Bộ Công Thương quản lý các DNNN thuộc lĩnh vực và điều tiết thị trường... Với cách quản lý như hiện tại, doanh nghiệp phải báo cáo về nhân sự với Bộ Nội

vụ, về tiền lương với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, về chuyên môn với Bộ chủ quản, về tài chính với Bộ Tài chính, về chiến lược kế hoạch phát triển với Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Với cách quản lý vừa manh mún, vừa phân mảnh, lại có quá nhiều lỗ hổng quản lý như vậy, thì các DNNN, một mặt, trong tình trạng “một cổ năm, sáu tròng”; mặt khác, Nhà nước cũng loay hoay không biết quản lý như thế nào cho phù hợp, vì việc phối – kết hợp giữa các bộ hiện nay quá nan giải, cho dù đều là thành viên của Chính phủ.

Hai là, chưa tách bạch rõ chức năng đại diện chủ sở hữu với chức năng quản lý nhà nước. Thực tế cho thấy, bộ máy và cán bộ thuộc các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện đồng thời chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Các bộ, UBND tỉnh cũng được coi là cơ quan chủ quản của DNNN đã dẫn đến việc tất cả cơ quan chủ quản đều không thể thực hiện được chức năng quản lý kinh tế vĩ mô và tất cả đều có xu hướng bảo hộ, che chắn cho DNNN trực thuộc của mình. Vì vậy, không thể tạo ra được môi trường cạnh tranh công bằng và bình đẳng cho các doanh nghiệp với thành phần kinh tế khác nhau, hay xuất hiện tình trạng được gọi là “con đẻ và con nuôi”, trong đó DNNN là “con đẻ”, còn doanh nghiệp ngoài nhà nước là “con nuôi”.

Hơn nữa, việc chưa tách bạch rõ giữa hai chức năng này cả về mục tiêu, công cụ, phương pháp, tổ chức bộ máy và cán bộ thực hiện đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý của chủ sở hữu nhà nước cũng như quản lý nhà nước.

Ba là, vẫn còn tình trạng phân tán, thiếu thống nhất, chuyên nghiệp và chuyên trách trong thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước. Cụ thể, theo quy định hiện hành, bộ quản lý ngành có trách nhiệm đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trên cơ sở ý kiến của các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao

động, Thương binh và Xã hội. Trong khi đó, mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh là một nội dung của điều lệ tập đoàn kinh tế, tổng công ty - được phê duyệt theo một quy trình khác cả về thẩm quyền quyết định và sự tham gia của các cơ quan có liên quan (Chính phủ ban hành điều lệ dưới hình thức nghị định).

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan để quản lý nhân sự, tiền lương các chức danh lãnh đạo chủ chốt còn lúng túng. Thẩm quyền quyết định mức lương, thưởng tách khỏi thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chủ tịch hội đồng thành viên.

Bón là, chưa có cơ chế tạo động lực, chế tài cho tất cả các cơ quan, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Đã vậy, với việc trao quyền cho người đại diện phần vốn nhà nước tại DNNN quá lớn, trong khi chế độ báo cáo, xin ý kiến trước khi biểu quyết những vấn đề quan trọng của DNNN chưa được quy định cụ thể, cùng với việc kiểm tra giám sát hạn chế, không thường xuyên, nên tính chất cảnh báo, phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động của nhiều DNNN không phát huy được hiệu quả như mong đợi (các trường hợp của Vinashin, Vinalines...).

Đâu là mô hình quản lý phù hợp?

Nội dung hạt nhân của cổ phần hóa và doanh nghiệp hóa trong các DNNN hiện nay là sự điều chỉnh mối quan hệ quyền sở hữu tài sản trong các doanh nghiệp quốc doanh, trong đó có một vấn đề quan trọng đó là làm thế nào để xây dựng hệ thống quản lý, vận hành tài sản nhà nước thích hợp với cơ chế thị trường.

Ngày 13/07/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố Dự thảo “Nghị định về thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước” để lấy ý kiến rộng rãi. Trong đó, nội dung quan trọng nhất là thành lập cơ quan chuyên trách có tên gọi Ủy ban Quản lý, Giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Ủy ban). Ủy ban này có nhiệm vụ giúp Chính phủ

quản lý, giám sát có hiệu quả vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp; tập trung nguồn vốn nhà nước đang đầu tư tại doanh nghiệp để đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực chiến lược, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế. Còn chức năng của Ủy ban là đầu tư và quản lý danh mục tài sản, vốn đầu tư của Nhà nước tại các doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo toàn và tối đa hóa giá trị tài sản, vốn đầu tư nhà nước được giao quản lý. Như vậy, nếu Ủy ban nói trên được thành lập, cơ quan này sẽ trực tiếp quản lý các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thay vì để các bộ, ngành quản lý như hiện nay. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban này sẽ quản lý 30 tập đoàn, tổng công ty, trong đó Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) sẽ là đơn vị chủ yếu thực hiện nhiệm vụ đầu tư tài chính.

Đề xuất này đang gặp nhiều ý kiến trái chiều, tuy nhiên cần thấy rằng, việc lập Ủy ban này là rất cần thiết bởi những lý do. Bởi, như đã phân tích ở trên, với việc danh sách doanh nghiệp có vốn nhà nước làm ăn thua lỗ tiếp tục dài ra, các khoản phải xuất toán, thu hồi do chi tiêu sai nguyên tắc, lãng phí ngày càng nhiều, nay đã đến con số hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn tỷ đồng... đã chứng tỏ mô hình giao các bộ, ngành, địa phương làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp không còn phù hợp. Cơ chế hiện nay bộc lộ quá nhiều khiếm khuyết, và đã tỏ ra không phù hợp, không hiệu quả, không hiệu lực trong thực hiện quyền chủ sở hữu, quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Một nguyên do nữa có thể thấy rằng, việc thành lập Ủy ban này gần như chắc chắn là việc Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII (năm 2016) đã khẳng định: "Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xoá bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, UBND đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với DNNN". Và để thể chế hóa định hướng của Đảng bằng văn bản

pháp luật, từ đầu năm 2016, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và đầu tư xây dựng một Nghị định về cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Tuy nhiên, để tránh nguy cơ lạm quyền của Ủy ban này đòi hỏi phải thiết kế được cơ chế giám sát chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả. Nội dung giám sát phải đầy đủ, cả giám sát bên trong lẫn giám sát từ bên ngoài; giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau đối với mọi quyết định của cơ quan chuyên trách trong thực thi nhiệm vụ đối với doanh nghiệp thuộc quyền quản lý. Cùng với giám sát, phải có cơ chế đánh giá tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan chuyên trách; kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế. Về chủ thể thực hiện, Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đối với cơ quan chuyên trách với sự tham gia của các cơ quan có liên quan. Phải nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan chuyên trách này trước Chính phủ, Quốc hội và trước Đảng, trước Nhân dân.

Cách thức lựa chọn và bổ nhiệm lãnh đạo, tuyển chọn nhân viên của cơ quan chuyên trách cũng phải khác cơ bản so với tuyển chọn và bổ nhiệm công chức nhà nước, chủ yếu chỉ dựa vào năng lực chuyên môn và thành tích trong hoạt động đầu tư kinh doanh. Cũng tương tự như vậy đối với chế độ miễn nhiệm và sa thải. Cán bộ, nhân viên của cơ quan chuyên trách có thể bị sa thải chỉ đơn giản vì không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch bất kể lý do gì.

Bên cạnh đó, cần tăng cường và hoàn thiện chức năng đại diện người sở hữu vốn nhà nước. Thực tế cho thấy, DNNN trước đây và cả hiện nay mới chỉ có khái niệm về quản lý tài sản, chứ không có quan niệm về vận hành vốn. Quản lý tài sản và vận hành vốn có mối quan hệ với nhau, song chúng thuộc về hai khái niệm, phản ánh hai khái niệm của nền kinh tế kế hoạch hóa và kinh tế thị trường, điểm mấu chốt, nội dung và mục tiêu của hai đối tượng này đều có sự khác biệt lớn. Quản lý tài sản tập trung vào thực thể, nội dung chủ yếu gồm bảo dưỡng thiết bị

sản xuất, sửa chữa và đổi mới, mục tiêu là đáp ứng nhu cầu của sản xuất vật chất. Trong khi đó, vận hành vốn chủ yếu tập trung vào giá trị, nội dung cơ bản bao gồm: đầu tư vốn hợp lý và vận hành có hiệu quả, mục tiêu là duy trì giá trị, làm tăng giá trị và thu hồi vốn nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu tái sản xuất mở rộng nguồn vốn. Do đó, cần phân biệt rõ hai khái niệm này và yêu cầu bộ, ban ngành, UBND địa phương phải từ bỏ chức năng của người vận hành doanh nghiệp, tăng cường chức năng là nhà sở hữu tài sản nhà nước, chuyển đổi từ quan niệm quản lý tài sản sang quan niệm vận hành vốn./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2015). *Báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2014 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). *Dự thảo Nghị định của Chính phủ về thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước*
3. Kiểm toán Nhà nước (2016). *Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước*, trình tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIV
4. Nguyễn Đình Cung (2014). *Đổi mới quản trị doanh nghiệp trong quá trình tái cơ cấu DNNN*, Báo cáo Kinh tế vĩ mô 2014 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Nxb Tri thức
5. Đỗ Phương Thảo (2016). *Thành lập Ủy ban Quản lý, Giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Thời cơ đã quá chín muồi!*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 21/2016

6. Phạm Thị Hồng Nhung (2016). *Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước cần phân tách rõ giữa chức năng quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu nhà nước*, truy cập từ <http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=80>